

CỔNG THẢO VIÊN TẬP - MỘT THI TẬP CỦA HOÀNG TỬ TRIỀU NGUYỄN MỚI ĐƯỢC PHIÊN DỊCH

ĐINH THANH HIẾU*

PHAN THỊ THU HIỀN**

Tóm tắt: *Cổng Thảo viên tập* là một tập thơ chữ Hán của Nguyễn Phúc Miên Cự, Hoàng tử thứ 47 của Hoàng đế Minh Mệnh. Tập thơ được các anh em của Miên Cự biên tập, hiệu san và ấn hành sau khi ông mất. Hiện tại ở Việt Nam đã không còn lưu trữ được tập thơ này. Văn bản duy nhất của *Cổng Thảo viên tập* hiện đang được lưu trữ tại Thư viện của Trung tâm Nghiên cứu Hán học Đài Loan (Trung Quốc). Trong khuôn khổ hợp tác giữa Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và các đối tác Đài Loan (Trung Quốc), Bộ môn Hán Nôm, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã thực hiện việc giới thiệu, phiên dịch tập thơ sang tiếng Việt. Bài viết này giới thiệu tổng quan về tập thơ với ba nội dung chính: tác giả, văn bản tác phẩm, nội dung tác phẩm.

Từ khóa: Miên Cự, *Cổng Thảo viên tập*, Miên Thẩm, văn chương Hoàng phái

Abstract: The *Collection from the Cổng Thảo garden* is a compilation of poems written in Chinese script by Nguyễn Phúc Miên Cự, the 47th prince of Emperor Minh Mệnh. The poetry collection was compiled, edited, and published by Miên Cự's brothers after his passing. Presently, this collection is no longer preserved in Viet Nam. The only known manuscript of the *Collection from the Cổng Thảo garden* is currently archived at the National Central Library of Taiwan (China). Within the framework of cooperation between the University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi, and Taiwanese partners, the Department of Sino-Nom Studies, Faculty of Literature, at the University of Social Sciences and Humanities has introduced and translated this collection of poems into Vietnamese. This article offers an overview of the collection, focusing on three main aspects: the author, the text of the work, and its content.

Keywords: Miên Cự, *Collection from the Cổng Thảo garden*, Miên Thẩm, royal literature

Cổng Thảo viên tập 貢草園集 (viết tắt CTVT) là một tập thơ chữ Hán của Quảng Trạch Quận công Nguyễn Phúc Miên Cự Hoàng tử thứ 47 của vua Minh Mệnh. Đến thời điểm năm 2009, giới nghiên cứu Việt Nam vẫn cho rằng tập thơ CTVT của Quảng Trạch Quận công Nguyễn

Phúc Miên Cự đã thất truyền, hiện không tìm thấy văn bản, do đó không có thông tin về nội dung và kết cấu của tác phẩm này. Cụ thể, Trần Trọng Dương trong bài viết “Khảo sát tình hình văn bản tác phẩm một

* TS., Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

** TS., Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

trên *Thông báo Hán Nôm học năm 2009*, trang 302-321 cho rằng “tập thơ *Cống Thảo viên* hiện nay không còn”¹.

Tuy nhiên, vào tháng 6 năm 2021, trong cuộc tọa đàm khoa học trực tuyến: “Gặp gỡ Việt Nam, góc nhìn liên ngành từ Đài Loan và Kim Môn” do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, Trần Ích Nguyên (Giáo sư Khoa Văn học Trung Quốc, Đại học Quốc lập Thành Công, Đài Loan) đã chia sẻ câu chuyện về quá trình tìm thấy tác phẩm *CTVT* của Hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Cư. Theo Giáo sư, tác phẩm này được chính anh trai của Nguyễn Phúc Miên Cư (Miên Thẩm) in với số lượng ít và nó đã được ghi lại trong các tài liệu dưới thời nhà Thanh. Ông cũng đã có nhiều năm cố gắng tìm kiếm tác phẩm này ở Trung Quốc cũng như nhiều thư viện khác ở Nhật Bản, châu Âu và Hoa Kỳ nhưng đều không có kết quả. Điều bất ngờ thú vị là di cảo thơ này cuối cùng lại tìm được ngay tại Thư viện của Trung tâm Nghiên cứu Hán học Đài Loan (Trung Quốc), vốn trước đó được thu thập bởi Phan Tổ Ấm, một nhà văn Giang Tô (Trung Quốc).

Theo một hướng nghiên cứu độc lập, tại Việt Nam, tháng 10 năm 2021, tác giả Nguyễn Thanh Lộc thông qua bài viết “Chùa Diệu Đế và hai bài thơ liên quan vừa được tìm thấy trong *CTVT* của Nguyễn Phúc Miên Cư”, đăng trên *Tạp chí Văn hóa Phật giáo* đã khẳng định thông tin văn bản *CTVT* hiện đang lưu trữ tại Thư viện của Trung tâm Nghiên cứu Hán học Đài Loan².

Tháng 4 năm 2023, trong khuôn khổ Hội thảo khoa học quốc tế *Văn hóa, văn học Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh thời đại số* do Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Hội Trung văn Đài Loan (Trung Quốc) tổ chức, Trần Ích Nguyên đã đề xuất với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội việc tổ chức dịch chú và xuất bản tác phẩm *CTVT*. Hoàng Anh Tuấn - Hiệu trưởng nhà trường đã nhiệt thành đồng thuận và tích cực triển khai công việc.

Cuối tháng 7 năm 2023, mang theo bản sao của *CTVT* từ Đài Loan, Trần Ích Nguyên đã đến tháp hương, thăm viếng viên tẩm Quảng Trạch Quận công Miên Cư tại phường Thủy Xuân, thành phố Huế. Cán bộ của Bộ môn Hán Nôm, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn cũng tham gia chuyến đi này.

Bộ môn Hán Nôm, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tổ chức công việc khảo sát văn bản, dịch thuật, chú giải, hiệu đính, biên tập tác phẩm *CTVT*. Tháng 7 năm 2024, cán bộ của Bộ môn Hán Nôm đã tiến hành chuyến khảo sát điền dã tại Huế để điều tra thực địa về di tích phủ Quảng Trạch cũng như phỏng vấn các thế hệ hậu duệ của Miên Cư.

Có thể thấy, ngoài những thông tin ít ỏi kể trên, tiểu sử Miên Cư cùng nội dung tác phẩm của ông vẫn chưa được tìm hiểu khai thác đúng mức. Để giúp độc giả dễ dàng hơn khi tiếp cận với tác phẩm *CTVT*, chúng tôi triển khai bài viết dưới đây với ba nội dung: 1. Tiểu sử Quảng Trạch Quận

công Nguyễn Phúc Miên Cư, 2. Văn bản *CTVT*, 3. Nội dung *CTVT*.

1. Tiểu sử Quảng Trạch Quận công Nguyễn Phúc Miên Cư

Nguyễn Phúc Miên Cư 阮福綿居 tên tự là Trọng Trữ 仲貯, là Hoàng tử thứ 47 con vua Minh Mệnh, tước phong Quảng Trạch Quận công 廣澤郡公. Ông sinh ngày 19 tháng 9 âm lịch năm Kỷ Sửu (tức ngày 16/10/1829), mất ngày 9 tháng 3 âm lịch năm Giáp Dần (tức ngày 6/4/1854).

Mẹ của Hoàng tử Miên Cư là bà Hoà tần 和嬪 Nguyễn Thị Khuê 阮氏奎, còn một tên húy nữa là Bích Chi, là con gái của Chương cơ Nguyễn Văn Thanh - Trấn thủ tỉnh Quảng Yên³. Năm sinh năm mất và thời gian nhập cung của bà không được sử sách ghi lại. Năm 1838, bà được phong Hoà tần 和嬪, khi mất được ban thụy là Tĩnh Nhã 靜雅. Theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả* 阮福族世譜 thì Hoà tần Nguyễn Thị Khuê sinh được cho vua Minh Mệnh bốn hoàng nam và sáu hoàng nữ. Bốn hoàng nam gồm: Nguyễn Phúc Miên Cư tự Trọng Trữ (Quảng Trạch Quận công), Nguyễn Phúc Miên Tinh tự Trọng Ngộ (bản dịch *Liệt truyện* phiên là Tinh, Điện Quốc công), Nguyễn Phúc Miên Bảo tự Trọng Tàng (bản dịch *Liệt truyện* phiên là Bảo, Tân An Quận công), Nguyễn Phúc Miên Thân tự Trọng Chí (Phù Cát Quận công)⁴.

Đại Nam liệt truyện 大南列傳 ghi lại rằng, ngay từ nhỏ, Hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Cư đã bộc lộ tư chất thông minh, đỉnh đặc, đọc thông các sách của Bách gia chư tử, Kinh sử từ tập. Không những thế, ông còn là người giỏi đàm luận, viện dẫn chứng cứ chuẩn xác, văn chương bay bổng, nhịp nhàng. Cũng chính vì lý do đó mà suốt

quãng đời sống trong nhung lụa, ông được vua yêu thương hết mực⁵. Theo *Đại Nam thực lục* 大南寔錄, vào năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), ông được phong tước Quảng Trạch Quận công 廣澤郡公⁶. Cùng trong năm đó, vua Minh Mệnh cho đúc các con thú bằng vàng để ban thưởng cho các Hoàng thân anh em, hoàng tử và công chúa còn chưa được phong tước, Quảng Trạch Quận công được ban con sư tử bằng vàng nặng 5 lạng 8 đồng cân⁷. *Đại Nam thực lục* cũng ghi lại sự việc vào tháng 2 âm lịch năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), khi vua đến điện Hiếu Tư cử hành lễ Ân tiến, Quận công Miên Cư đi phạm vào đường của xe vua nên bị phạt lương một năm⁸. *Đại Nam liệt truyện* cũng ghi lại giai thoại về câu thơ sấm *Sầu cực hốt sinh Y Lạc tướng, Xuy sinh kỳ hạc tạ thời nhân* 愁極忽生伊洛想, 吹笙騎鶴謝辰人 của Miên Cư cùng tập thơ do ông sáng tác mang tên *Cống Thảo viên thi* 貢草園詩 do Tùng Thiện vương Miên Thâm đề tựa và tổ chức san khắc⁹.

Trong bài *Tựa cho CTVT*, Tùng Thiện vương Miên Thâm¹⁰ viết về tài năng và cốt cách Hoàng đệ Miên Cư của mình như sau: “Quảng Trạch Quận công Trọng Trữ: Con yêu của tiền triều, danh công nơi Tây đế. Cát chén Cối Kê hào sảng, rờ rờ Lang Da chớp lờ. Từ chương êm dịu, thần khí hài hòa. Tuổi nhỏ theo thầy học tập, đã vát vả trong ba sử chín kinh; trưởng thành chăm chú văn chương, lại trầm tiềm ngoài bách gia chư tử. Rộng thông Thích Lão, kiêm học Hiên Kỳ. Vái Hoàng xa sứ giả mà thảo luận hoàn đan; đến Bạch học tiên sinh mà cứu tham chính đảng. Đã dưỡng mệnh lại dưỡng tính, thuốc quý đều thu; không làm tướng mà làm y, phương nhân ngầm ngụ.

Lại thêm: màn bày lễ nghĩa, chiêu tiên khiêm cung. Đến Liêm tuyên Nhượng thủy mà lắng lòng, tập Hiếu truyện Trung kinh mà nên đức. Việc dầu khó cũng bao quát, lễ vi ân cũng xét dò. Bình Nguyên hiếu khách, hải châu ba nghìn; Hà Gian mua sách, pho gấm bốn bộ. Thế nên ở cảnh giàu sang mà không chìm đắm, vì hương thơm mà tự đốt mình. Tuy chỉ rau cá đạm bạc mà cửa ngoài xe ngựa luôn nhiều, trong khi ngải thang chữa bệnh mà trên gối ngâm nga không dứt. Cho nên tuổi đời trải việc ngày một thêm, mà tên tuổi văn thơ ngày một rạng”¹¹. Những ngày tháng cuối đời của Quảng Trạch Quận công cũng được Miên Thâm ghi lại hết sức cảm động: “Bởi vì dụng tâm quá khổ, tinh thần vốn không chịu nổi; vì buồn thành bệnh, khiến cho tuổi thọ không dài. Nhớ lúc em vừa lâm bệnh, ta thường qua luôn. Tuy không chia sẻ được bệnh đau, nhưng chuyện thuốc thang luôn khuyên bảo. Một ngày gói Chu Khải tựa, văn Chung Hội đưa. Tự làm Tức Vĩ không lời, ngâm tỏ Tang Tôn ẩn ý. Hai lòng tự hiểu, muôn lệ chảy tràn. Người chìm đắm ắt cười nhạt, ta thì không biết làm gì; tử văn nếu có được truyền, em hãy gượng sống mà đợi. Đang lúc dần dần khuyên giải, chỉ khuyên em hãy gượng ăn thêm; nhưng không chần chừ được thêm, em đã theo hạn mà đi mất. Buồn thay!”¹².

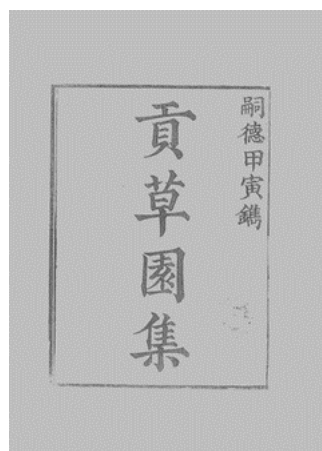
Năm Tự Đức thứ 7 (1854), Miên Cư qua đời, hưởng dương 26 tuổi, thụy là Đoan Mẫn 端敏. Phần mộ ông được an táng tại Dương Xuân Thượng (nay thuộc địa phận phường Thuỷ Xuân, quận Thuận Hoá, thành phố Huế).

Quảng Trạch Quận công sau không có con nối dõi, nên Thọ Xuân vương¹³ cho con là Tá Quốc khanh Hồng Khai (1873 - 1934, sau đổi thành Hồng Tuyên) sang làm con để nối dõi thờ tự dòng Quảng Trạch. Đất phủ Quảng Trạch cũng do Thọ Xuân vương cắt một phần đất của phủ Thọ Xuân nhượng cho em mình. Tiếc rằng phủ đã bị cháy vào năm 1976. Tầm bia *Tĩnh Ký viên* 靜寄園 là vật duy nhất còn sót lại của Phủ Quảng Trạch.

Ông Hồng Khai - con kế tự của Quảng Trạch Quận công - có ba người con: hai con trai là Nguyễn Phước Ứng Phổ và Nguyễn Phước Ứng Uyển, một con gái là Tôn Nữ Minh Trai. Hiện nay, gia đình người con trai của ông Ứng Uyển là Nguyễn Phước Bửu Nam (hậu duệ đời thứ tư, sinh năm 1952) và Nguyễn Phước Vĩnh Phước (hậu duệ đời thứ năm) đang sống trên khu đất cũ của phủ thờ ở địa chỉ số 25 kiệt 209, Chi Lăng, phường Gia Hội, quận Phú Xuân, thành phố Huế, tiếp tục thờ tự Quảng Trạch Quận công.

2. Văn bản CTVT

Tên gọi của tập thơ lấy theo tên vườn của phủ Quảng Trạch Quận công. Xuất xứ tên



vườn, Miên Thâm viết: “Tên vườn Cống

Thảo, lấy từ văn trong *Chu Lễ*; mộng bút sinh hoa, muốn làm tập thơ Hán phiên”¹⁴.

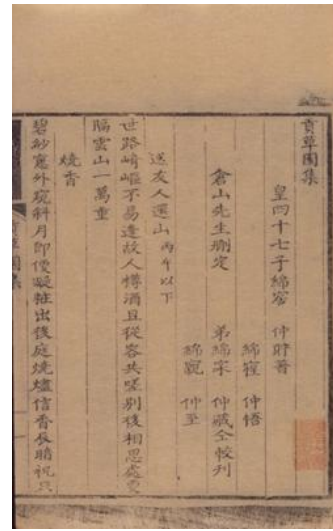
Ảnh: Trang bìa *Cống Thảo viên tập*

Văn bản *CTVT* duy nhất hiện còn mang số hiệu 13519 lưu trữ tại Thư viện của Trung tâm Nghiên cứu Hán học Đài Loan (Trung Quốc)¹⁵. Văn bản có dung lượng 54 trang, kích thước 18x13.5cm. Đây là văn bản khắc in, không có dấu ngắt câu, mỗi dòng chừng 15- 2 chữ, viết theo cột dọc từ phải sang trái. Dòng ghi nhan đề bài thơ được tách riêng ra, và được lùi thấp xuống khoảng cách 2 chữ.

Những dòng chữ ở trang bìa *Tự Đức Giáp Dần tuyên* 嗣德甲寅鐫 cho phép tạm đưa ra nhận định ban đầu rằng: văn bản được khắc vào năm Giáp Dần niên hiệu Tự Đức thứ 7, tức là năm 1854. Trong văn bản có những chữ được khắc kiêng húy theo lối “kính khuyết nhất bút” như chữ *Hoa* 華 bị lược nét sổ ở giữa, chữ *nhật* 日 bị lược nét ngang ở trong... càng khẳng định thêm về niên đại thời Tự Đức của văn bản. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ luận giải thêm về niên đại của văn bản ở phía sau.

Thông tin về tác giả và những người tham gia quá trình biên tập khắc in được đề ở trang 1a của phần *Cống Thảo viên tập* (sau phần Mục lục). Tác giả của *Cống Thảo viên tập* được khẳng định do Hoàng tử thứ 47 Miên Cư 綿居 tự là Trọng Trữ 仲貯 sáng tác (*Hoàng tử thập thất tử Miên Cư Trọng Trữ trước* 皇四十七子綿居仲貯著). Người đảm nhiệm trọng trách san định là Thương Sơn tiên sinh, tức Tùng Thiện vương Miên Thẩm (1819 - 1870), Hoàng tử thứ 10 con vua Minh Mệnh (*Thương Sơn tiên sinh san định* 倉山先生

刪定). Nhóm ba người em trai cùng mẹ với Miên Cư là Điện Quốc công Miên Tĩnh (1830 - 1870) tự Trọng Ngộ, Tân An Quận công Miên Bảo (1835 - 1854) tự Trọng Tàng và Phù Cát Quận công Miên Thân (1837 - 1875) tự Trọng Chí cùng nhau hiệu san (*Đệ Miên Tĩnh Trọng Ngộ, Miên Bảo Trọng Tàng, Miên Thân Trọng Chí đồng hiệu san* 弟綿愷仲悟、綿宗仲藏、綿親仲至全較刊) (trang 1a).



Ảnh: Trang 1a - *Cống Thảo viên tập*

Quá trình biên tập và tổ chức khắc in, viết tiểu truyện, đề lời *Tựa* cũng được Miên Thẩm tường thuật lại rất chi tiết và cảm động trong bài *Cống Thảo viên thi tập tự* 貢草園詩集序: “Nay ta cùng với các em cùng mẹ là nhóm Trọng Ngộ bàn việc khắc in thi tập, lần lượt hoàn thành. Cũng là để đưa lời, ân cần trao cho sách. Bảo ta trước đã hứa với Vương Kiệm việc định văn, giờ lại nên vì Triệu Công mà soạn tựa... Ta nay tuổi tác đã lớn, già đã đến nơi. Đã đau người mất mà xót trong lòng, tâm vò muôn mối; lại cảm thời xưa mà thương hiện tại, không ngủ suốt đêm. Vỡ vàng thân bệnh, hai mái buông tơ; tịch mịch canh khuya,

đền côi như đậu. Biên tiêu truyện em, đề làm lời tựa”. Như vậy, Miên Thẩm - Hoàng tử thứ 10 của vua Minh Mệnh, Hoàng huynh của Miên Cư - là người có vai trò chủ chốt trong việc biên tập, viết bài *Tựa* và tổ chức khắc in *CTVT*.

Kết cấu nội dung văn bản *CTVT* có gồm 5 phần:

- (1) Bài *Tựa* tập thơ *Cống Thảo viên* (*Cống Thảo viên thi tập tự*) do Miên Thẩm soạn vào tháng 9 mùa thu năm Tự Đức thứ 8 (1855) gồm 4 trang.

- (2) Lời *Bạt* di thảo của Tân An Quận công (*Tân An Quận công di thảo bạt* 新安郡公遺草跋) cũng do Miên Thẩm soạn vào tháng 5 mùa hè năm Tự Đức thứ 10 (1857) gồm 4 trang.

- (3) Di thảo của Tân An Quận công (*Tân An Quận công di thảo* 新安郡公遺草) gồm 9 đơn vị tác phẩm: 1 bức thư, 2 bài bát cú, 4 bài tứ tuyệt, và 2 phần tàn khuyết chỉ còn 1-2 câu.

- (4) Mục lục *CTVT* (*Cống Thảo viên tập mục lục* 貢草園集目錄) gồm 10 trang.

- (5) Tập thơ *Cống Thảo viên* (*CTVT*): gồm 88 đơn vị tác phẩm (3 bài trường thiên, 59 bài và chùm bài bát cú, 26 bài và chùm bài tứ tuyệt. Đây được coi là bộ phận chính yếu của tác phẩm, được đánh số từ tờ số 1 đến 17 (34 trang).

Lưu ý rằng 5 phần trên được đánh số trang riêng biệt cho từng phần, chứ không đánh số trang liền mạch cho toàn văn bản.

Có thể thấy, mặc dù sách có trang bìa đề tên *CTVT* cùng dòng niên đại *Tự Đức Giáp Dần tuyên* (1854), nhưng thực tế không chỉ chứa đựng trọn vẹn *CTVT* của Quảng Trạch Quận công Miên Cư cùng bài

Cống Thảo viên thi tập tự do Miên Thẩm viết năm Tự Đức thứ 8 (1855), mà được đóng kèm với phần tàn khuyết của *Tân An Quận công di thảo* (gồm 9 đơn vị tác phẩm không đầy đủ) của Tân An Quận công Miên Bảo cùng với bài *Tân An Quận công di thảo bạt* cũng do Miên Thẩm viết năm Tự Đức thứ 10 (1857). Sự chênh lệch về niên đại ghi trên trang bìa (1854) với niên đại của bài *Tựa* (1855) và bài *Bạt* (1857), cùng với việc sách không được đánh số trang liền mạch (mà đánh số trang cho 5 phần riêng) cho phép suy đoán rằng văn bản *CTVT* mang ký hiệu 13519 lưu trữ tại Thư viện của Trung tâm Nghiên cứu Hán học Đài Loan này vốn không phải được khắc in và biên tập thành sách trong cùng một thời điểm. Cụ thể, phần *CTVT* gồm 88 đơn vị tác phẩm có thể được khắc in vào năm 1854 - đúng năm Miên Cư tạ thế - như thông tin ở trang bìa, còn hai bài *Tựa* và *Bạt* được bổ khắc lần lượt vào các năm 1855 và 1857. Không rõ phần *Tân An Quận công di thảo* được khắc vào năm nào, nhưng có lẽ là sau năm 1854, vì Miên Bảo cũng tạ thế vào năm 1854 nhưng sau Miên Cư¹⁶, và Miên Bảo vẫn còn kịp thời gian để hiệu san tập thơ của anh mình¹⁷. Dung lượng của phần di thảo của Miên Bảo không được trọn vẹn, như Miên Thẩm viết trong *Bạt* là “Tất cả trọn vẹn được năm bài, còn lại đều là câu lẻ”¹⁸. Về lý do đóng gộp hai tập thơ của Miên Cư và Miên Bảo thành một sách, theo chúng tôi phỏng đoán có thể do đây là hai thi tập của hai anh em cùng mẹ Miên Cư và Miên Bảo, hai người cùng lớn lên với nhau, lúc thường ngày cùng làm thơ văn xướng họa ứng đối với nhau, cùng tương đồng với nhau ở thể trạng yếu đuối và tư chất thông minh dĩnh

ngộ, lại cùng tạ thế trong một năm. Và lại, số trang chữ trong di thảo của Miên Bảo còn lại rất ít. Bởi vậy sau này, Miên Thẩm đã đem 5 phần gồm *Cống Thảo viên thi tập tự*, *Tân An Quận công di thảo bát*, *Tân An Quận công di thảo*, *Mục lục*, *CTVT* tập hợp lại thành sách, nhưng vẫn giữ trang bìa có đề niên đại *Tự Đức Giáp Dần* tuyên làm trang bìa cho toàn sách. Như vậy, niên đại ghi trên trang bìa *Tự Đức Giáp Dần* (1854) chỉ là niên đại của phần *CTVT*, không phải là niên đại của toàn văn bản.

3. Nội dung CTVT

CTVT nghĩa là tập thơ vườn Cống Thảo. Theo nguyên chú, các bài thơ trong thi tập được Miên Cư sáng tác từ năm Bính Ngọ (1846) đến năm Quý Sửu (1853). Nội dung xoay quanh cuộc sống quý tộc của Hoàng tộc nhà Nguyễn với những sinh hoạt và tâm tư trong khu vườn mang tên Cống Thảo.

Nổi bật hơn cả trong *CTVT* là bộ phận thơ giao đãi thù tạc giữa Quảng Trạch Quận công Miên Cư cùng các anh em và những bạn bè, người quen biết của mình. Trong 88 đơn vị tác phẩm của tập thơ, có đến gần một nửa số bài là thơ xướng họa, nói vắn, đề tặng của Miên Cư với các anh em trong Hoàng tộc, ví dụ như: Tùng Quốc công dời chỗ ở, cúi lạy tặng (bài 7); Nói vắn phụng đáp Lật Viên, tình cờ qua biệt thự, trở về mà có thơ tặng (bài 14); Nói vắn đáp anh Lật Viên, mùa thu hết, viết gửi tặng (bài 19); Nói vắn bài *Xuân dạ hữu tác* của Trọng Chí (bài 29); Đề thơ trên bức họa sơn thủy của Hoà Phủ (Cùng sáng tác với các ông Thương Sơn, Tĩnh Phố) (bài 32); Nói vắn vâng họa bài thơ *Lạc hoa* (hoa rụng) của anh Lật Viên (bài 34); Nói vắn vâng họa bài thơ *Báo Quốc tự cảm tác*

(cảm tác chùa Báo Quốc) của anh Vĩ Dã để bày tỏ với mọi người cùng đi chơi (bài 35);... Thơ viết về những kỷ niệm như những bữa tiệc, những chuyến đi, những lần thăm viếng nhau của các hoàng huynh hoàng đệ, ví dụ: Cuối hè qua Hàm Thanh trai, trên tiệc đưa tặng Tuy An Quận công (bài 6), Gia Hưng công mời uống rượu tại Học cổ thư trai, trong bữa tiệc ứng khẩu làm thơ (bài 17); Đêm mưa, cùng nghỉ lại với em trai là Trọng Tàng (bài 18); Sau tết thượng nguyên, anh Thanh Trai mời uống rượu, đêm ở lại với em là Hoà Phủ cùng làm thơ (bài 21); Nói vắn đáp lại anh Lật Viên, [nhân dịp] đi chơi xuân ở thành phía Đông, bày tỏ (bài 22); Hoà Phủ mới về biệt thự, qua thăm, gửi lại thơ (bài 24); Cùng Trọng Tàng, Trọng Chí, Tử Như ôn chuyện xưa, cảm động mà sáng tác (bài 53). Thơ ký thác tình cảm anh em sâu đậm gần bó, ví dụ như: Trở lại vườn nhớ em năm mươi hai (bài 5); Trong khi ốm có nỗi lòng, kính gửi thư đến Quỳ Châu Quận công, Lạc Biên Quận công (bài 8);...

Trong đó, với ba người em trai cùng mẹ là Trọng Ngộ, Trọng Tàng và Trọng Chí (cũng là ba người đồng hiệu san *CTVT*), Miên Cư có một mối thâm giao bền chặt hơn cả và luôn dành cho các em những lời thơ thật tình cảm, chân thành. Khi trở lại vườn cũ, Miên Cư da diết nhớ tới người em thứ 52 của mình là Điện Quốc công Trọng Ngộ, ông viết:

Xưa ta ở cùng em, Đọc sách và ngủ cùng em.

Nay ta không ở cùng em, Khiến ta nhớ nhung quá!

Hoa nở cùng ai thường thức? Có rượu cũng chỉ uống một mình.

Uống rồi say muốn ngủ, Bên ngọn đèn tàn, làm bạn với gối lẻ.

(昔我同君居，觀書與君寢。今我別君居，使我思君甚。)

花開共誰賞，有酒還獨飲。飲盡醉欲眠，殘燈伴孤枕。) (Bài 5)

Một đêm mưa, ngủ chung chăn cùng Tân An Quận công Trọng Tàng, Miên Cư đã ghi lại những câu thơ giản dị mà ám áp về tình huynh đệ:

Đêm mưa, se lạnh, ngọn nến toả sáng,
Cùng em chung chăn, tình cảm khôn xiết!
Biết rõ những chuyện vui vẻ ở trên đời,
Đúng là không gì hơn được tình anh em.
(雨夜微寒蠟燭明，與君同被不勝情。

定知世上歡娛事，應是無過弟與兄。) (Bài 18)

Ngoài ra, Miên Cư còn làm thơ hoạ lại bài *Đề Trọng Tàng gia viên giả sơn* (bài 45), cùng Trọng Tàng và Trọng Chí ôn lại chuyện xưa, ngùi ngùi cảm tác (bài 53). Và khi người gia đệ ốm lâu năm chẳng khỏi, Miên Cư đã cất lên tiếng thơ đứt ruột:

Ta khóc như muốn cạn khô dòng lệ con trẻ,

Em buồn đến nỗi gãy gục tâm lòng trọng phụ.

(我泣欲乾兒女淚，君愁應折丈夫心。) (Bài 86)

Với người em Phù Cát Quận công Miên Thân, trong *Cổng Thảo viên tập* còn ghi dấu kỷ niệm Miên Cư từng nói vắn bài *Xuân dạ hữu tác* của Trọng Chí (bài 29), cùng Trọng Chí hạn vắn trên tiệc trong một đêm mưa (bài 42), cùng Trọng Chí trò chuyện về thời quá vãng (bài 53), cùng

uống rượu làm thơ với Trọng Chí trong đêm xuân (bài 79)...

Đọc tập thơ ở vườn Cổng Thảo có thể thấy một nếp sinh hoạt đặc trưng của các hoàng tử trong Hoàng tộc triều vua Minh Mệnh là lập nên một thi xã để cùng làm thơ xướng hoạ ứng đối thù tạc với nhau. Từ những hoạt động trong thi xã đó mà thương mến trọng tài của nhau, như Miên Cư làm thơ khen tặng Tuy An Quận công ngay trên bàn tiệc trong một ngày cuối hạ khi qua Hàm Thanh trai:

Trải xem khách phong lưu trong thiên hạ,

Tài điệu như anh liệu có mấy người?
(經看天下風流客，才調如君有幾人?) (Bài 6)

Bài thơ số 81 đã ghi lại rõ nhất về cảm hứng thanh nhã và không khí xướng hoạ thơ ca sôi nổi của các ông hoàng trong một ngày xuân:

Bạch xã là ước nguyện lúc bình sinh,

Mỗi giao tình lâu ngày tự trở nên chân thật.

Thơ từ bên đèn, liên tiếp những ngày tươi đẹp,

Chén rượu ngâm vịnh, đến tận giữa mùa xuân.

Tiếng chim hót như gọi mời khách,

Hoa toả hương thơm rất hợp ý người.

Làn ao biếc thắm đắm trận mưa qua,

Ánh sáng sóng nước lọt vào hiên [thấy] tươi mới.

(白社平生約，交情久自真。燈詞連上日，觴詠到中春。

鳥語如呼客，花香正可人。綠池霑
過雨，波影入軒新。) (Bài 81)

Trong số các hoàng huynh hoàng đệ
con của vua Minh Mệnh, Tùng Quốc công
Miên Thẩm hiệu Thương Sơn là người nổi
bật về sự uyên bác và tài năng văn học mà
Quảng Trạch Quận công nhiều lần thể hiện
lòng ngưỡng mộ, kính trọng cả về văn
chương và đức độ. Khi Tùng Quốc công
dời chỗ ở, Miên Cư có thơ rằng:

Hiếu cảm động đến làng xóm, dần dần
hoá theo,

Tên nổi lên tận trời xa, ruổi bay cùng mây.

Vốn có nhiều đức hạnh, lại thêm
văn học,

Trọn vẹn tốt đẹp như anh, thực là trên
đời hiếm có.

(孝感鄉鄰隨日化，名浮霄漢傍雲飛。
自多德行添文學，全美如公世所
稀。) (Bài 7)

Khi phải chia biệt Tùng Quốc công,
Quảng Trạch Quận công đã gửi lại những
dòng thơ lưu luyến:

Mặt trời lặn làm tóc mai bạc thêm
sâu bi,

Gió thu thoáng khiến người mũ trắng
khóc thầm.

Làm sao an ủi được cõi lòng tịch liêu,
Tựa vào gối, màn đêm sắp tàn.

(落日愁蒼鬢，秋風泣素冠。何當慰
寥寂，欹枕夜將闌。) (Bài 74)

Qua thi tập ở vườn Công Thảo, ngoài
Miên Thẩm và ba người em cùng mẹ, có
thể thấy hai người anh em mà Miên Cư
thân thiết nhất, có nhiều kỷ niệm gắn bó
nhất là người anh thứ 33 Lạc Biên Quận

công Miên Khoan hiệu Lật Viên và người
em thứ 48 An Quốc công Miên Ngung tự
Hoà Phủ hiệu Mạn Viên.

Với hoàng huynh Lật Viên, Miên Cư
đã ghi lại kỷ niệm trong một chuyến du
xuân ở thành phía đông:

Thừa húng, nhân qua dinh thự của vương,

Lại quên cả quay về, chuyện trò
không dứt.

(乘興因過王大宅，更忘歸去語蟬連。) (Bài 22)

Khi được gặp lại anh Lật Viên, nổi mừng
vui đã tuôn chảy thành những câu thơ:

Nỗi buồn ly biệt vô bờ bến mỗi ngày
lại đầy thêm,

Chôn yên tĩnh, gặp được huynh, vui
mừng khôn xiết!

Say sưa đàm đạo [nên] ít mở bình rượu
mua về,

Ngâm thơ xong, lại nhiều lần khêu đèn
đọc sách.

Dưới mái hiên cao, sau khi trở về, luôn
ngóng đợi,

Bên chiếc giường nhỏ, lúc rảnh rỗi, chỉ
co tay gói đầu.

Nghe nói tập thơ xướng hoạ về tình
anh em,

Chỉ mong còn thực sự có thể [viết nên]
những ngôn từ đẹp đẽ.

(離愁無際日方增，靜處逢君喜弗勝。
談劇少開酤酒榼，吟闌多上讀書燈。
高軒歸後頻延頸，小榻閒來但曲肱。
聞道唱酬花萼集，詞華唯許尚真
能。) (Bài 14)

Ngoài ra, Miên Cư còn làm thơ nói vắn
hoạ lại bài thơ *Lạc hoa* (hoa rụng) của anh Lật

Viên (bài 34), nổi vắn bài *Cách ngô nghe tiếng hát* của anh Lật Viên (bài 51)...

Với người em Hoà Phủ, Miên Cư đã nhiều lần xướng hoạ thi ca. Trong một tiệc rượu sau tết Thượng nguyên, Miên Cư viết rằng:

Được sinh ra và lớn lên trong đời thịnh trị,

Được hiển đạt vẻ vang kịp lúc tuổi còn trẻ.

Cùng than thở về sự ly biệt đã lâu,

Gặp gỡ nhau nên cùng nán lại bên nhau.

(生長逢昭代, 飛騰及壯年。共嗟離索久, 相遇且留連。)(Bài 21)

Miên Cư đã nhiều lần đến thăm nơi chôn của Hoà Phủ. CTVT còn ghi dấu lại những chuyến thăm viếng ấy, như những buổi đi lên sạn Lê Quang của Hòa Phủ (bài 56, 65), hay những buổi qua thăm hiên Hộc Vãn, thăm vườn Mạn Viên của Hoà Phủ...

Nhìn nhau lòng thấy vui, Mím cười quên hình dẫu.

Cứ thể cùng em ngao du, Muôn duyên thảy đều vô ích.

(相看且為樂, 莞爾忘形迹。長此從君遊, 萬緣儘無益。)(Bài 63)

Ngoài ra, Miên Cư còn đề thơ trên bức hoạ sơn thủy của Hoà Phủ (bài 32), nổi vắn Hoà Phủ tặng Lê Cửu Tuấn (bài 44)... Lúc Hoà Phủ yếu mệnh rời xa dương thế, Miên Cư đã để lại những dòng thơ nức nở như những tiếng kêu khóc tự đáy lòng:

Khóc thảm vì li biệt cửu tuyền,

Buồn bã ngâm nga bài *Thán thế*.

Việc sống chết tuy có số mệnh,

Nhưng tiếc cho [bạc] tài danh không

được thọ lâu.

(慟哭窮泉別, 哀吟歎逝篇。死生雖有命, 才望惜無年。)(Bài 88)

Khác biệt với các anh em khác, đối với người anh thứ ba, tức Thọ Xuân công Miên Định (người sau này cho con thứ 75 của mình sang nối dòng thừa tự Miên Cư), Miên Cư thể hiện một thái độ trân trọng và tôn kính khác thường. Ông thường dùng chữ “ứng giáo”¹⁹, “phụng trình” (vâng trình) để chỉ cho những bài thơ ông cung kính họa vắn, tặng đáp hoặc làm thơ theo lệnh anh thứ ba truyền bảo, như ứng giáo đề vịnh tám cảnh ở biệt thự Vị Nhân của anh thứ ba (bài 70), ứng giáo làm thơ dịp bồi tiếp anh thứ 11 hội yến ở biệt thự Vị Nhân của anh thứ ba (bài 72), hội tụ ở quán Tư Thanh vâng trình lên anh thứ ba bốn bài (bài 75)...với những dòng trân trọng đặc biệt dành cho anh thứ ba của mình:

Đức lớn trải suốt ba triều đại, thực là bậc nguyên lão của nhà Chu,

Danh tiếng vang lừng khắp bốn biển, ấy là vị tú tài đất Thục.

(三朝碩德周元老, 四海高名蜀秀才。)(Bài 72)

Vượt lên cao chót so với đám đông, suy cử là bậc đại nhĩ,

Chư hầu nhà Hán nên chịu nhường Hiến Vương là hiền hơn.

(卓爾不群推大雅, 漢藩應讓獻王賢。)(Bài 75)

Những buổi gặp gỡ ngâm vịnh xướng hoạ trong thi xã như thế của các ông hoàng trong hoàng tộc không chỉ có sự an dật thư nhàn, mà còn có những tâm tư trĩu nặng cho thời thế, lòng cảm thương cho việc quá

vãng. Cùng chung cốt nhục, cùng được hưởng phúc lộc của vua cha, cùng được sinh thành giáo dục trong một môi trường tương đồng, các hoàng huynh hoàng đệ có cùng chung những nghĩ suy và sự đồng cảm mà người ngoài khó mà có được:

Cùng nhau trò chuyện chân tình trong đêm lặng,

Sự đời biến đổi rồi ren chẳng hết một tuần.

Đã có việc buồn việc vui bởi cùng chung cốt nhục,

Chưa từng [trong lúc] ăn ngủ mà quên đạo vua cha.

Kiếp phù sinh ngày ngắn ngủi chẳng có nhiều việc,

Giao tình sâu đậm suốt một đời có được mấy người.

Có được một đêm nói chuyện cùng nhau nào có dễ dàng,

Cảm thương thời thế, xót xa chuyện xưa, lệ đã ướt khăn.

(相將靜夜話情真，世故紛更不浹旬。
已有悲歡同骨肉，未嘗眠食忘君親。
浮生日淺無多事，沒齒交深竟幾人。
一夕清談豈容易，感辰傷舊涕沾巾。) (Bài 53)

Tinh thần ưu thời mẫn thế ấy cũng đúng với Lời trình mời gọi chư công tập hợp thi xã mà Tân An Quận công Miên Bảo tự Trọng Tàng đã ghi lại trong tập di thảo của mình:

Đạo làm vui thích lòng mình, khảo xét cổ xưa càng phải gắng sức,

Học để khôi phục tính ta, biết được ý vị thực thêm sâu sắc.

(道悅我心，稽古尤力，
學復吾性，知味良深。) (Bài 8)

Không chỉ xướng họa với anh em trong hoàng tộc, *Cống Thảo viên tập* còn ghi lại mối giao thiệp của Miên Cư với những người bạn bè người quen khác như: Lê Minh Thúc, Giảng tập Phạm Kim Thanh, Tư nghiệp Lê Ngưng Phủ, Phò mã Nguyễn Trường Lạc, Tử Hoài, Tử Như, Lê Cửu Tuấn, Trương Đốc Khánh... Qua đó có thể thấy Quảng Trạch Quận công không hề đóng khép lòng mình, mà luôn chan hoà giao hảo với mọi người. Trong số những người quen biết, Tử Như được Miên Cư dành cho nhiều thơ hơn cả, đến 7 bài thơ ghi lại những kỷ niệm với người bạn tri âm: Ngẫu nhiên bảo Tử Như (bài 48); Đêm uống rượu ở vườn nhà Tử Hoài, say rượu trở về, cùng Tử Như giữa đường ngẫu hứng làm hai bài (bài 49); Đêm trăng bày tiệc nhỏ mời Tử Như (bài 52); Chiều tối qua nhà Độn Trai, bảo Tử Như (bài 58); Cúc trắng, nổi vản thơ ứng chế của Tử Như (bài 66); Thăm nơi ở mới của Tử Như (bài 67); Đề thơ lên lá chuối, gửi cho Tử Như (bài 68). Đáng tiếc là thân thế hành trạng của nhân vật Tử Như này hiện vẫn chưa được làm rõ.

Bài đầu tiên trong *Cống Thảo viên tập* là thơ tiễn một người bạn về núi, dù không ghi tên, nhưng có thể thấy tình cảm âm áp chân thành của Miên Cư:

Đường đời gặp ghềnh, không dễ gặp nhau,

Hãy cứ thông thả cùng bạn cũ, chén rượu.

Cùng thở than cảnh nhớ nhau sau khi già biệt,

Lại thêm cách mây núi muôn trùng!

(世路崎嶇不易逢，故人樽酒且從容。
共嗟別後相思處，更隔雲山一萬重。)(Bài 1)

Bên cạnh các quan hệ giao tế của đời sống xã hội, *Cống Thảo viên tập* còn hé lộ về sức khỏe thể chất của Quảng Trạch Quận công. Tuy chính Miên Cư nhắc đến không nhiều, chỉ đôi bài, nhưng có thể thấy thể trạng của ông là tuổi chưa nhiều mà đa bệnh, bệnh chẳng phải bệnh suông đơn giản, chữ bệnh luôn đi cùng chữ tật: Thân nhiều bệnh tật, lại thương Tào Thực (*Thân đa tật bệnh lân Tào Thực*) (bài 8); Bệnh tật ai là người thương ta (*Tật bệnh thùy lân ngã*) (Bài 37). Thể trạng yếu ớt của Miên Cư đã được hoàng huynh Miên Thẩm nhắc đến ngay từ phần tiểu truyện trong *Cống Thảo viên thi tập tự*: “Trong khi ngải thang chữa bệnh mà trên gối ngâm nga không dứt... Bởi vì dụng tâm quá khổ, tinh thần vốn không chịu nổi; vì buồn thành bệnh, khiến cho tuổi thọ không dài. Nhớ lúc em vừa lâm bệnh, ta thường qua luôn. Tuy không chia sẻ được bệnh đau, nhưng chuyện thuốc thang luôn khuyên bảo”²⁰. Có lẽ do thân mình mang tật bệnh, mà tâm trạng Miên Cư luôn thường trực một nỗi buồn mặc định là cố hữu. Tập thơ văn vẹn 88 bài mà đến 20 bài có chữ *sầu* 愁 cũng đủ phác họa tâm hồn thi nhân đa sầu đa cảm của Miên Cư. Đêm tiễn bạn trên sông, nhìn gió thu lay động bức rèm châu mà sầu (bài 3); Nhấp chén cùng bạn chia biệt cũng sầu (bài 4); Bạc thêm hoa mưa tưới cũng gọi sầu (bài 8); Đêm trăng sáng ngời ngắm hoa thủy tiên cũng sầu (bài 13); Nỗi sầu ly biệt vô bờ bến mỗi ngày lại đầy thêm (bài 14); Ở nơi xa cách, nhớ tới đồng bồi, sầu muộn vẫn chưa dứt (bài 19); Vào đêm giao thừa

năm Canh Tuất, trước hơi thở của thời gian trời đất, nhà thơ e ngại mỗi sầu đến sáng mai sẽ còn tăng gấp bội (bài 20); Rồi trong cuộc chia biệt vào mùa xuân với quan Giảng tập Phạm Kim Thanh, nỗi sầu đến từ nơi giảng học (bài 26); Rồi nỗi sầu mới lại thêm với nỗi sầu cũ, khiến thi nhân không biết phải làm sao (bài 27); Đêm suy tư, mối sầu khó dứt (bài 29); Mối sầu trong khi ốm đau (bài 37); Nỗi sầu khi nhớ đến chuyện xưa (bài 39); Sầu khi ngắm vàng trắng non (bài 47); Lòng sầu miên man khi qua thăm Hiên Hộc Văn của người em Hoà Phủ (bài 63), Nỗi sầu trong đêm mất ngủ khi đậu thuyền ở bến Kim Vương (bài 69); Mặt trời lặn cũng làm tóc mai bạc thêm sầu (bài 74); Người khách sầu muộn khi mùa thu tới (bài 77); Em trai Trọng Tàng ốm bệnh lâu năm, sầu bi đến gãy gục tám lòng trượng phu (bài 86); Và đặc biệt là hai câu thơ định mệnh vẫn được xem như là sấm ngữ của Miên Cư:

Buồn quá bỗng nghĩ về Y Lạc,

Thổi sênh cười hạc biệt người đời.

(愁極忽生伊洛想，吹笙騎鶴謝辰人。)

(Bài 57)

Nhưng nỗi sầu bi trong thơ Miên Cư có chăng chỉ là sự rung động tinh tế của tâm hồn thi nhân vốn nhạy cảm, là ý thức của một người có tư chất đỉnh ngộ trước sự hữu hạn của kiếp nhân sinh, chứ chẳng phải do thể trạng ốm yếu, sức khỏe suy kiệt, tâm trạng sầu bi, mà vị hoàng tử trẻ tuổi Miên Cư lại có thái độ bi quan yếm thế. Trái lại, tập thơ ở vườn Cống Thảo không khó để tìm thấy những câu thơ bộc lộ niềm vui sống, khát khao giao cảm với thiên nhiên vạn vật, chan hoà thân ái với nhân

quần. Vẻ đẹp trong sáng của loài hoa thủy tiên bé nhỏ cũng làm thi nhân xao động:

Lướt sóng bước nhẹ sạch không mây bụi,
Chát đẹp hương xinh, thả vừa lòng người.
(凌波微步淨無塵, 麗質嬌香盡可人。)

(Bài 13)

Những cảnh trí sinh động muôn dáng vẻ muôn sắc màu của tự nhiên đã chạm đến trái tim mẫn cảm của Miên Cư:

Sớm đã ngộ ra cái vui thú của việc ruộng vườn,

Gửi mình ở nơi vắng vẻ, tránh xa cõi trần tục.

Cách tán hoa, người gọi khách,
Trên cây rậm, chim đón mây.
(早悟田園趣, 幽栖遠俗氛。
隔花人喚客, 深樹鳥將雲。)

Câu thơ Miên Cư làm trong một bữa tiệc cuối hè cùng Tuy An Quận công ở Hàm Thanh trai cũng chan chứa niềm yêu đời:

Trắng sáng, hoa thơm, hè cũng như xuân,
Chiều ca, tiệc múa, trăm vẻ thanh tân.
(月朗花香夏亦春, 歌筵舞席百般新。)

(Bài 6)

Tâm trạng thư thái bên sách vở, bên bạn thơ, thường ngoạn ánh trăng đẹp, chén rượu ngon... không hiếm gặp trong thơ Miên Cư:

Mặt trời lặn bên song thư phòng, một mình ngồi nhàn nhã,

Trắng sáng nơi chợ Hoè, nghĩ cùng đạo chơi.

Chỉ khiến chén rượu đầy, ống thơ ở đó,
Thôi bàn chuyện xử thế, tuyết trắng mái đầu.

(日落芸窗閒獨坐, 月明槐市擬同遊。)

但令酒榼詩筒在, 處世休論雪滿頭。)(Bài 36)

Chuyên tâm với sách vở, văn chương, chữ nghĩa luôn đem lại cho Miên Cư sự tĩnh tại an nhiên trong tâm trí:

Vội vợi một giá cao, Chát chồng muôn quyển sách.

Phảng phất như sự bảo hộ của vật thần, Uy nghiêm tựa chốn ở của thánh hiền.

Đời gần đây đã bỏ chữ Khoa đầu, Cả đời này gắn bó cùng con một sách.

Trước nay, nghiên cứu nhọc nhằn, Chẳng dám bỏ phí thời giờ rảnh rỗi.

(岌岌一高架, 纍纍萬卷書。恍如神物護, 儼若聖賢居。)

近世拋科斗, 今生共蠹魚。從來研究苦, 未敢廢三餘。)(Bài 60)

Nhìn chung, nội dung thơ *CTVT* có xu hướng thiên về miêu tả cuộc sống an nhàn, hưởng thụ, xoay quanh các hoạt động xướng họa thơ văn ở thi xã, thưởng trăng, ngắm hoa, uống rượu, các chuyến du chơi, thăm viếng, ngoạn cảnh... của các ông hoàng dưới triều Nguyễn. *CTVT* của Miên Cư ít thể hiện quan điểm chính trị, vì triều Nguyễn hoàng tử không tham chính. Thế nhưng, hiếm hoi trong tập thơ ở vườn Cống Thảo, đã có một lần Quảng Trạch Quận công dùng lời của quẻ Càn trong *Kinh Dịch* để nói về chí hướng của mình:

Bạc quân tử quý ở chỗ tự mình mạnh mẽ,

Lúc bình an yên ổn cũng lấy làm lo lắng.

(君子貴自彊, 晏安以為憂。)(Bài 78)

Về mặt hình thức, *CTVT* mang đặc trưng chung của các thi tập thuộc văn chương hoàng phái, trang trọng, điển nhã từ

văn chương đến hình thức biểu đạt. *CTVT* được khắc in với hình thức trang nhã, biên tập nghiêm cẩn. Những thông tin về thời gian sáng tác, bối cảnh sáng tác, những xuất nhập về văn tự được thể hiện cẩn thận trong nguyên chú.²¹ Những chữ chỉ các đối tượng tôn kính như chỉ nhà vua hay chỉ các vị bề trên như các anh của Miên Cư đều được thể hiện trên văn bản bằng cách viết dài theo lối viết cách chữ trong dòng.

CTVT sử dụng tương đối đa dạng các thể thơ bao gồm luật thể (thất luật, ngũ luật, thất tuyệt, ngũ tuyệt); cổ thể (trường thiên, ca, hành...) nhưng chiếm phần lớn là Đường luật. Thi thể cách luật nghiêm cẩn, tứ thơ trang nhã, cách điệu thanh cao, lời thơ tự nhiên mà điển nhã, dùng điển tinh xác mà nhẹ nhàng, thiên về sự điển, không nặng nề ngữ điển cầu kỳ hay dẫn dụng nhiều chữ trong kinh tịch. Khác với các thi tập ngự chế của các vua thiên trọng về chính trị giáo hóa, lời văn trang nghiêm điển nhã, dẫn dụng nhiều chữ nghĩa trong kinh điển, thi tập của các ông hoàng phần nhiều là thơ thù ứng, ngâm vịnh, du ngoạn, yến hội... trong môi trường sinh hoạt quý tộc, nên lời thơ thường thiên về tài tứ cao diệu, đài các hoa lệ, có khí vị phong lưu tài tử của văn chương quý tộc thời Lục triều. Những ngữ điển, sự điển được dẫn dụng trong thơ không sử dụng nhiều văn liệu kinh sử mà thường là cổ sự văn chương, tài tử, thi nhân, quý tộc,... *CTVT* của Miên Cư cũng nằm trong dòng mạch như thế. Chẳng hạn câu thơ nổi tiếng của ông được dẫn lại cả ở trong *Đại Nam liệt truyện* và *Cống Thảo viên thi tập tự*: “Sầu cực hốt sinh Y Lạc tướng, xuy sinh kỳ hạc tạ thời nhân 愁極忽生伊洛想, 吹笙騎鶴謝辰人” (buồn

quá bỗng nghĩ về Y Lạc, thổi sênh cưỡi hạc biệt người đời) (*Thất tịch ngẫu chiếm*, bài thơ thứ 57). Câu thơ dùng điển trong sách *Liệt tiên truyện* của Lưu Hưong đời Hán: Thái tử của Chu Linh Vương tên là Tấn (tức Vương Tử Kiêu) giỏi thổi sênh, làm bài *Phượng minh*, ông đi chơi ở vùng sông Y sông Lạc, đạo sĩ là Khâu Phù Công đón ông lên núi Tung sơn, sau hơn ba mươi năm ông cưỡi hạc trắng đậu trên đỉnh núi Hâu Thị sơn, giờ tay từ biệt người đời rồi lên tiên. Điển cổ dùng không quá bí hiểm, lại hợp cảnh hợp tình, phiêu diêu huyền ảo, vừa đúng với thân phận hoàng tử, vừa hợp với tâm hồn nhạy cảm đa sầu và thể chất sớm yếu bệnh, làm cho lời thơ được xem như “thi sấm” (lời thơ tiên đoán) về sự ra đi sớm của ông. Hay trong bài thơ mừng anh là Tùng Quốc công Miên Thẩm làm nhà mới chuyển chỗ ở, rước mẹ về phụng dưỡng, Miên Cư dùng những từ ngữ và điển cổ thật trang trọng về đạo hiếu và tình cảm mẹ con: “Thủ tuế đường thành mệnh giá quy, Bạch hoa chu ngạc lệ xuân huy. Nam cai đắc nguyệt cung trần thiện, Hậu cấp nghênh xuân trước thái y 首歲堂成命駕歸, 白華朱萼麗春暉。南陔得月供珍膳, 後閤迎春著綵衣。(Đầu năm nhà xây xong, vua mệnh cho trở về; Hoa trắng đài đỏ, ánh xuân tươi đẹp. Thềm Nam được ánh trăng, kính dâng thức ăn quý; Góc sau đón xuân, mặc áo màu.) (Bài 7). Bài thơ dùng một loạt ngữ điển và sự điển: “*Bạch hoa*” (Hoa trắng) là tên một bài thơ trong *Tiểu Nhã - Kinh Thi*, chỉ còn tên bài chứ không còn nội dung. Theo *Thi tự*, *Bạch hoa* chỉ sự thanh khiết trong trắng của người con hiếu, hiếu kính phụng dưỡng cha mẹ

luôn thanh khiết trong trắng, không tỳ vết như hoa trắng. “*Chu ngọc*” (Đài đồ) xuất diễn từ *Văn tuyển*, Lý Thiện chú *Văn tuyển* rằng người con hiếu ví như đài hoa đỏ trong các loài hoa thảo, tự nhiên thanh khiết nổi bật, cho nên cũng chỉ đức hạnh thanh khiết của con hiếu. “*Xuân huy*” là ánh sáng mùa xuân, cũng chỉ báo đáp mẹ hiền. Bài *Du tử ngâm* của Mạnh Giao đời Đường có câu: “*Thùy ngôn thốn thảo tâm, báo đắc tam xuân huy*” (Ai dám bảo tấm lòng tác cỏ, có thể báo đáp được ánh nắng ba tháng mùa xuân?). Chỉ con khó mà báo đáp được cho trọn công ơn của mẹ hiền. “*Nam cai*” là tên một bài thơ trong *Tiểu Nhã - Kinh Thi*, chỉ còn tên bài chứ không còn nội dung. Theo *Thi tự*, *Nam cai* chỉ người con hiếu răn bảo nhau phụng dưỡng cha mẹ. “*Thái y*”, tức là áo có màu sắc sỡ. Xuất diễn từ ông Lão Lai Tử đời nhà Chu (một trong nhị thập tứ hiếu), tuổi đã 70 mà vẫn mặc áo màu sắc sỡ, nhảy múa giả như trẻ con, để làm vui cho cha mẹ. Tuy dùng diễn chất chồng nhưng người đọc không cảm thấy nặng nề, hiểm hóc, vì từng lời, từng sự đều sử dụng một cách thích trúng, hợp cảnh hợp tình với những dẫn dụng không quá xa lạ. Qua đây cũng cho thấy sự hàm dưỡng văn hóa và học vấn rất cao của các hoàng tử triều Nguyễn.

Sẽ là không trọn vẹn nếu giới thiệu *CTVT* mà không đề cập đến hai bài *Tựa* và *Bạt* của Miên Thâm (*Cống Thảo viên thi tập tự* và *Tân An Quận công di thảo bạt*). Ngoài giá trị về thông tin cho biết cuộc đời, sự nghiệp, hoạt động văn chương, duyên khởi và quá trình sưu tầm, biên tập, hiệu san...thi tập và di thảo của Miên Cư, Miên

Bảo cũng như mối quan hệ của họ với những người sưu tập, san khắc, viết *Tựa*, *Bạt* (Miên Thâm, Miên Tinh, Miên Thân), thì chính hai bài *Tựa* và *Bạt* này cũng thực sự là những áng văn chương đặc sắc trên nhiều mặt, góp phần tăng thêm giá trị của cả tập thơ *CTVT* và qua đây cũng phần nào cũng cho người đọc thấy được và khẳng định phong cách, tài năng, học vấn của các tác gia Hoàng phái triều Nguyễn, mà tiêu biểu ở đây là Miên Thâm. Bài *Tựa* và bài *Bạt* do Miên Thâm viết có độ dài, cấu trúc và phong cách văn chương gần giống nhau. Bài *Tựa CTVT* có độ dài 809 chữ và 18 chữ nguyên chú, bài *Bạt Tân An Quận công di thảo* có độ dài 759 chữ và 16 chữ nguyên chú. Điều đặc biệt là, so với toàn bộ Di thảo của Tân An Quận công còn lại được sưu tầm (9 đơn vị tác phẩm trọn vẹn hoặc tàn khuyết, tổng cộng cả *Di thảo* là 253 chữ) thì số chữ của bài *Bạt* nhiều hơn gấp bội so với tổng số chữ của Di thảo. Cấu trúc của bài *Tựa* và bài *Bạt* gồm 3 phần: Thứ nhất dẫn nhập, Thứ hai là thực chất là tiểu truyện của Miên Cư và Miên Bảo (chính Miên Thâm cũng viết là “biên tiểu truyện em, để làm lời *Tựa* đầu sách dịch 掇君小傳, 製此弁言, Thứ ba là nói về việc sưu tầm, biên tập, hiệu san của nhóm và việc viết *Tựa*, *Bạt* của Miên Thâm. Điều đặc biệt là trong hai bài *Tựa* và *Bạt* này, với một tình cảm anh em tha thiết chân thành, đến mức có thể coi là tri kỷ (lời của Miên Thâm trong bài *Tựa CTVT*) kết hợp với tài năng văn chương trác việt và học vấn uân súc, Miên Thâm đã thể hiện một cách xuất sắc ý tưởng mình muốn biểu đạt dưới hình thức của một tác phẩm văn chương cực kỳ

hoa lệ và uyên bác, chông chất điển cổ và ngữ liệu theo phong cách của lối biên văn hoa lệ thời Lục triều. Những thông tin về Miên Cư, Miên Bảo hay về sáng tác của hai ông mà Miên Thâm đưa ra trong bài *Tựa*, bài *Bạt* chỉ là những lời dẫn ngắn ngủi, còn dung lượng chính của văn phẩm để nhường chỗ cho điển cổ nói thay lời. Chẳng hạn, khi Miên Thâm nói về sự trống vắng, nhung nhơ của người ở lại trước sự ra đi mãi mãi quá sớm của Miên Cư, ông viết trong bài *Tựa*: “Đầy nhà đàn sáo, mà Trọng Tường lánh góc tường; đều đeo thù du, mà Duy Ma riêng vắng mặt. Từ đó Đông Điền mở yến, rất nhớ Vũ Lăng; Tây Lạc biệt ly, buồn thay Bạch Mã. Than ôi! Tiểu Tạ mất đi, không kịp ruổi rong vó ngựa; Thương Thư mất sớm, chưa đầy được tuổi ba mươi. Bác văn mà chưa ước lễ, cảm tiếc biết bao; có học mà không sống lâu, thê lương đường ấy! 滿堂絲竹，而仲翔向隅；遍插茱萸，而維摩獨少。從此東田張宴，憶甚武陵；西洛告離，悲深白馬。嗟乎！小謝云亡，不及騁其長轡；蒼舒竟夭，正未滿乎立年。已博未約，感惜謂何；有學無年，淒涼至此！”. Một loạt điển cổ được sắp xếp nối nhau: Chuyện Ngu Phiên thời Tam quốc, Vương Duy đời Đường, Vũ Lăng Vương Tiêu Diệp đời Tề - Nam triều, Bạch Mã Vương Tào Bưu đời Ngụy, Tạ Huệ Liên đời Tấn, Thương Thư đời Chuyên Húc, “tam thập nhi lập”, “bác văn ước lễ” trong *Luận ngữ*. Hay để nói lên tư chất và học vấn của Miên Bảo, ông viết trong bài *Bạt*: “Đông Bình hòa nhã sâu sắc, Thủy Hưng đỉnh ngộ khác thường. Nét bút nên đuôi phượng, sớm ban kỳ lân; viết tinh như đầu ruồi, đam mê kinh điển. Trung

Sơn thích rượu, Triệu Vương thích quan, Hán phiên rút cục không hiền; Lưu Hiến giảng Lễ, Cố Trắc giảng Dịch, Lâm Xuyên làm nên được tốt/ 東平和邃，始興穎異。諾成鳳尾，早賜麒麟；寫就蠅頭，長耽墳索。中山好酒，趙王好吏，漢蕃畢竟非賢；劉瓛講禮，顧愷講易，臨川遂能為善。”. Một loạt điển cổ được sắp xếp nối nhau: Chuyện Đông Bình vương Lưu Thương đời Hán, Thủy Hưng Quận vương Tiêu Đàm đời Lương, Giang Hạ vương Phong đời Tề - Nam triều, *Lý Viên từng thoai* của Tiền Vĩn đời Thanh, *Thượng Thư tự* của Khổng An Quốc đời Hán, Trung Sơn vương Lưu Thắng đời Hán, Triệu vương Lưu Bành Tổ đời Hán, Lưu Hiến, Cố Trắc đời Tề - Nam triều, Lâm Xuyên vương Tiêu Ánh đời Tề - Nam triều (cụ thể điển tích xin xem bản dịch). Một loạt các cổ sự và từ ngữ được liệt kê thay ý cho người viết, để người đọc tự cảm nhận và tự lĩnh hội, trong môi trường văn hóa và học vấn tương đương. Cho nên không nói quá khi cho rằng hai bài *Tựa* và *Bạt* này là chỗ để sắp xếp các điển cổ liên tiếp nhau theo một ý tưởng và để điển cổ nói thay cho ý tưởng biểu đạt. Thực sự đây là một thách thức lớn với người đọc hiện đại khi mà hàm dưỡng văn hóa và học vấn không tương đồng với người viết ra văn phẩm. Nhưng qua đây cũng cho người đọc hiện đại phần nào thấy được phong cách của loại văn chương hàn lâm đài các và việc tiếp cận với văn chương hàn lâm cổ đòi hỏi những hàm dưỡng đặc biệt, không dễ dàng. Trong bản phiên dịch, người dịch đã phải dùng đến 80 chú thích cho bài *Tựa CTVT* và 65 chú thích cho bài *Bạt Tân An Quận công di thảo*, có nghĩa là cứ tầm khoảng 10 chữ

Hán trong nguyên văn thì cần phải dùng đến một chú thích. Tuy nhiên, việc tra cứu và chú thích dù tỷ mỉ cẩn thận đến đâu thì cũng mới chỉ ở mức thiên cận trên phương diện văn tự, còn cảm nhận và lĩnh hội được thực sự thì vi tế hơn nhiều, cần phải có sự tương thông về văn hóa, học vấn, từ chương... giữa người viết và người đọc.

Kết luận

CTVT là một thi tập có số phận đặc biệt. Hai tác giả Miên Cư (*CTVT*) và Miên Bảo (*Tân An Quận công di thảo*) là hai hoàng tử con vua Minh Mệnh, là hai anh em cùng mẹ và cùng mất một năm (1854) đều ở tuổi chưa đến ba mươi. Rất sớm sau khi các ông mất, Miên Thẩm cùng với các anh em cùng mẹ của Miên Cư và Miên Bảo đã đứng ra sưu tầm, biên tập, hiệu san, viết *Tựa*, *Bạt*... và ấn hành thi tập và di thảo, tuy nhiên có thể số lượng ấn hành tương đối ít và lưu hành trong một phạm vi hẹp, do vậy cho đến nay cơ hồ như văn bản đã thất truyền. Cũng thật là duyên may, qua một quá trình lưu lạc kỳ khu, văn bản *Cống Thảo viên tập* duy nhất trên thế giới hiện được biết đến lại đang nằm tại Thư viện của Trung tâm Nghiên cứu Hán học Đài Loan (Trung Quốc). Trong khuôn khổ hợp tác giữa Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội với đối tác Đài Loan (trong đó vai trò lớn của Trần Ích Nguyên), *CTVT* đã được Bộ môn Hán Nôm, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội giới thiệu và dịch chú toàn bộ tập thơ sang tiếng Việt. Thi tập tuy có dung lượng không lớn nhưng có nhiều giá trị về văn bản và văn chương, cũng như

có ý nghĩa về hợp tác và giao lưu học thuật, văn hóa. Qua đây cũng giới thiệu thêm cho người đọc một tác phẩm cũng như một đặc trưng phong cách văn chương của Hoàng phái triều Nguyễn, trong số rất nhiều trước tác đồ sộ của văn chương Hoàng phái triều Nguyễn hiện vẫn chưa được giới thiệu, dịch thuật, nghiên cứu, công bố. Mong rằng trong tương lai, bộ phận trước tác này sẽ là một đối tượng được giới chuyên môn và các độc giả quan tâm hơn./.

Đ.T.H - P.T.T.H

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Trần Trọng Dương, “Khảo sát tình hình văn bản tác phẩm một số tác gia Hoàng tộc triều Nguyễn”, *Thông báo Hán Nôm học* 2009, tr. 302-321.
2. Nguyễn Thanh Lộc, “Chùa Diệu Đế và hai bài thơ liên quan vừa được tìm thấy trong *Cống Thảo viên tập* của Nguyễn Phúc Miên Cư”, *Tạp chí văn hoá Phật giáo*, 10/2021.
3. Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc (1995), *Nguyễn Phúc tộc thế phả (Thủy tổ phả - Vương phả - Đế phả)*, NXB. Thuận Hoá, Huế, tr.245.
4. Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc, *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, sđd, tr.245.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch, 2006), *Đại Nam liệt truyện*, tập 3, quyển 7 - phần Quảng Trạch Quận công Miên Cư, Viện Sử học, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr.91.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, Tổ phiên dịch Viện Sử học dịch (2007), *Đại Nam thực lục*, NXB. Giáo dục, Tam Kỳ, Quảng Nam, tập 5, tr.635.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, sđd, tập 5, tr.695.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, sđd, tập 6, tr.358

9. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, sdd, tập 3, quyển 7 - phần Quảng Trạch Quận công Miên Cư.

10. Thời điểm Miên Thẩm viết bài Tựa cho *Cống Thảo viên tập* (tháng 9 năm Tự Đức thứ 8 - 1855), tước phong của ông là Tùng Thiện công.

11. *Cống Thảo viên thi tập tự* 貢草園詩集序 (Bài Tựa tập thơ *Cống Thảo viên*).

12. *Cống Thảo viên thi tập tự* 貢草園詩集序 (Bài Tựa tập thơ *Cống Thảo viên*).

13. Thọ Xuân vương: Tên là Nguyễn Phúc Miên Định, Hoàng tử thứ 3 của vua Minh Mạng, anh khác mẹ của Quảng Trạch Quận công Miên Cư. Năm 1830 ông được phong Thọ Xuân công, năm 1874 phong Thọ Xuân vương, đến năm 1878 tấn phong Thọ Xuân vương. Theo Nguyễn Phúc tộc thế phả, Quảng Trạch Quận công Miên Cư có 5 con trai và 6 con gái, con trưởng Nguyễn Phúc Hường Quân tập phong Kỳ ngoại hầu rồi mất. Miên Cư và con cháu mở ra phòng 47 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Môn để đặt tên con cháu trong phòng. Về sau vì Miên Cư không có người nối dõi nên Nguyễn Phúc Hường Tuyên là con thứ 75 của Thọ Xuân vương qua nối dõi phòng này (Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc, *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, sdd, tr.307).

14. *Cống Thảo viên thi tập tự* 貢草園詩集序 (Bài Tựa tập thơ *Cống Thảo viên*).

15. Nguyễn Miên Cư (1854), *Cống Thảo viên tập*, Đài Loan Quốc lập Trung ương Đồ thư quán sở tàng, Số hiệu 13519.

16. Bài số 5 trong *Tân An Quận công di thảo* là bài Khóc anh trai Trọng Trữ (*Khóc huynh Trọng Trữ*) có câu chú “Bây giờ ta cũng bệnh nặng” (Thần dư diệc bệnh thậm 辰予亦病甚).

17. Trang 1a của phần *Cống Thảo viên tập* có dòng: Đệ Miên Tĩnh Trọng Ngô, Miên Bảo

Trọng Tàng, Miên Thân Trọng Chí đồng hiệu san 弟綿愴仲悟、綿宗仲藏、綿親仲至仝較刊.

18. *Tân An Quận công di thảo bạt* 新安郡公遺草跋 (Lời Bạt di thảo của Tân An Quận công).

19. Ứng giáo (應教): Nghĩa đen là “vâng theo lời dạy”, chỉ loại thơ được làm theo mệnh lệnh của các vị vương tước.

20. *Cống Thảo viên thi tập tự* 貢草園詩集序 (Bài Tựa tập thơ *Cống Thảo viên*).

21. Ví dụ về thời điểm sáng tác nguyên chú ghi từ bài 1 đến bài 3 là sáng tác năm Bính Ngọ (1846), từ bài 4 đến bài 5 là sáng tác năm Đinh Mùi (1847), bài 6 là sáng tác năm Mậu Thân (1848), từ bài 7 đến bài 10 là sáng tác năm Kỷ Dậu (1849), từ bài 11 đến bài 20 là sáng tác năm Canh Tuất (1850), từ bài 21 đến bài 68 là sáng tác năm Tân Hợi (1851), từ bài 69 đến bài 78 là sáng tác năm Nhâm Tý (1852), từ bài 79 đến hết (bài 88) là sáng tác năm Quý Sửu (1853); về bối cảnh sáng tác như bài 32 nguyên chú là “cùng sáng tác với các ông Thương Sơn, Tĩnh Phố”, bài 33 nguyên chú là dùng theo nguyên văn của Ngô Vĩ Nghiệp, làm cùng với Hòa Phú, Trọng Cung và Từ Như”, bài 39 nguyên chú là “sáng tác cùng anh Liễu Xuyên”...; về xuất nhập văn tự, bài 8 câu thứ 4 chữ “nhập trù 入稠” (thấm vào chần) nguyên chú “nhất tác ‘táp đăng 蠟燈’” (một bản khác ghi là “thổi vào đèn”), bài 21 câu thứ 6 chữ “cập 及” (kịp), nguyên chú “nhất tác ‘tích 惜’” (một bản khác ghi là “tiếc”), bài 23 câu 5 và 6: “Nguyên Quỹ ngô nan sát, Huyền Bình tử khả phương 元軌吾難匹, 玄平子可方” (Nguyên Quỹ tôi khó sánh với, Huyền Bình ngài có thể so cùng), nguyên chú “nhất tác ‘Bắc Hải quân ưng sát, Đông A ngã bất phương 北海君應匹, 東阿我不方’” (một bản ghi là “Bắc Hải ngài đáng sánh, Đông A tôi không thể so”)...